

# **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀO TẠO NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ XÂY DỰNG HÀ NỘI**

## **CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

### **1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀO TẠO NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ XÂY DỰNG HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA NOI TRAINING PROFESSIONAL MANAGEMENT CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107532575

**3. Ngày thành lập:** 08/08/2016

### **4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 07, ngõ 449/17, phố Ngọc Lâm, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0976111383

Fax:

Email: [nguyenkieuoanh.vnn@gmail.com](mailto:nguyenkieuoanh.vnn@gmail.com) Website: m

### **5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                               | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ                     | 2012     |
| 2.  | Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác                 | 0112     |
| 3.  | Trồng cây lấy củ có chất bột                            | 0113     |
| 4.  | Trồng cây có hạt chứa dầu                               | 0117     |
| 5.  | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh          | 0118     |
| 6.  | Trồng cây hàng năm khác                                 | 0119     |
| 7.  | Trồng cây ăn quả                                        | 0121     |
| 8.  | Trồng cây gia vị, cây dược liệu                         | 0128     |
| 9.  | Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp                  | 0130     |
| 10. | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                           | 0150     |
| 11. | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                            | 0161     |
| 12. | Hoạt động dịch vụ chăn nuôi                             | 0162     |
| 13. | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                         | 0163     |
| 14. | Xử lý hạt giống để nhân giống                           | 0164     |
| 15. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt         | 1010     |
| 16. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản | 1020     |
| 17. | Chế biến và bảo quản rau quả                            | 1030     |
| 18. | Xay xát và sản xuất bột thô                             | 1061     |
| 19. | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột           | 1062     |
| 20. | Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo                      | 1073     |
| 21. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                   | 1075     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 22. | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1080 |
| 23. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1104 |
| 24. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>- Bán buôn gỗ cây, tre, nứa;<br>- Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế;<br>- Bán buôn sơn và véc ni;<br>- Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi;<br>- Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn;<br>- Bán buôn kính phẳng;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim và khoá;<br>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;<br>- Bán buôn bình đun nước nóng;<br>- Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác;<br>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...;<br>- Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác. | 4663 |
| 25. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4669 |
| 26. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4690 |
| 27. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4711 |
| 28. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Bán lẻ nhiều loại hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cửa hàng bách hóa (trừ siêu thị, trung tâm thương mại), bán nhiều loại hàng hóa: quần áo, giày dép, đồ dùng gia đình, hàng ngũ kim, lương thực thực phẩm, trong đó lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc sản phẩm thuốc lá thuốc lào chiếm tỷ trọng nhỏ hơn các mặt hàng khác                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4719 |
| 29. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4721 |
| 30. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4722 |
| 31. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4723 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 32. | <p>Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đồ ngũ kim;</li> <li>- Sơn, véc ni và sơn bóng;</li> <li>- Kính phẳng;</li> <li>- Vật liệu xây dựng khác như gạch, ngói, gỗ, thiết bị vệ sinh;</li> <li>- Thiết bị và vật liệu để tự làm.</li> </ul> <p>Nhóm này cũng gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy cắt cỏ;</li> <li>- Phòng tắm hơi.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                 | 4752 |
| 33. | <p>Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán lẻ giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;</li> <li>- Bán lẻ đèn và bộ đèn;</li> <li>- Bán lẻ dụng cụ gia đình và dao kéo, dụng cụ cắt gọt; hàng gốm, sứ, hàng thủy tinh;</li> <li>- Bán lẻ sản phẩm bằng gỗ, lie, hàng đan lát bằng tre, song, mây và vật liệu tết bện;</li> <li>- Bán lẻ thiết bị gia dụng;</li> <li>- Bán lẻ nhạc cụ;</li> <li>- Bán lẻ thiết bị hệ thống an toàn như thiết bị khoá, kết sắt...không đi kèm dịch vụ lắp đặt hoặc bảo dưỡng;</li> <li>- Bán lẻ thiết bị và hàng gia dụng khác chưa được phân vào đâu.</li> </ul> | 4759 |
| 34. | <p>Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4772 |
| 35. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5610 |
| 36. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5621 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 37. | <p>Dịch vụ ăn uống khác</p> <p>Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể.</p> <p>Nhóm này cũng gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống, ví dụ cung cấp dịch vụ ăn uống cho các cuộc thi đấu thể thao hoặc những sự kiện tương tự trong một khoảng thời gian cụ thể. Đồ ăn uống thường được chế biến tại địa điểm của đơn vị cung cấp dịch vụ, sau đó vận chuyển đến nơi cung cấp cho khách hàng;</li> <li>- Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không (Vốn pháp định 30 tỷ), xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt...;</li> <li>- Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự;</li> <li>- Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền.</li> </ul> | 5629 |
| 38. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5630 |
| 39. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4620 |
| 40. | Bán buôn gạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4631 |
| 41. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4632 |
| 42. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4633 |
| 43. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4781 |
| 44. | <p>Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm, vật phẩm vệ sinh;</li> <li>- Bán lẻ thảm treo tường, thảm trải sàn, đệm, chăn màn;</li> <li>- Bán lẻ sách, truyện, báo, tạp chí;</li> <li>- Bán lẻ trò chơi và đồ chơi;</li> <li>- Bán lẻ thiết bị, đồ dùng gia đình, hàng điện tử tiêu dùng; -</li> <li>Bán lẻ đĩa ghi âm thanh, hình ảnh.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4789 |
| 45. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4791 |
| 46. | <p>Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động ...;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đấu giá ngoài cửa hàng (bán lẻ);</li> <li>- Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng).</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4799 |
| 47. | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p>Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8299 |
| 48. | Giáo dục nghề nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8532 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                     |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 49. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8551                                                                |
| 50. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8552                                                                |
| 51. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Đào tạo về sự sống;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;<br>- Dạy máy tính.                                  | 8559(Chính)                                                         |
| 52. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Tư vấn giáo dục<br>Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục<br>Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục                                                                                                                                                                                       | 8560                                                                |
| 53. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                                                                                                                                                       | 6619                                                                |
| 54. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan<br>Dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông<br>Hoạt động tư vấn đầu tư xây dựng | 7110                                                                |
| 55. | (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) .                                                                                                                                                                                            | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông          | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức         | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LƯƠNG TIẾN MẠNH      | Số nhà 7/449/17 đường Ngọc Lâm, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | Cổ phần phổ thông | 5.000      | 50.000.000            | 5,000     | 001082007429                                                                                |         |
|     |                      |                                                                                              | Tổng số           | 5.000      | 50.000.000            | 5,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ KIỀU OANH | Xóm Bình Tiến, Xã Thạch Tân, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam                          | Cổ phần phổ thông | 85.000     | 850.000.000           | 85,000    | B9696879                                                                                    |         |
|     |                      |                                                                                              | Tổng số           | 85.000     | 850.000.000           | 85,000    |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | LƯƠNG TIẾN DŨNG      | Số nhà 7/449/17, đường Ngọc Lâm, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 10.000     | 100.000.000           | 10,000    | 012189710                                                                                   |         |
|     |                      |                                                                                              | Tổng số           | 10.000     | 100.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ KIỀU OANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 20/07/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: B9696879

Ngày cấp: 13/10/2014

Nơi cấp: *Cục quản lý xuất nhập cảnh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm Bình Tiến, Xã Thạch Tân, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *phòng 3616 HH1C Khu đô thị Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội